TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2019/HNGĐST
Ngày 27-6-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi -** Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thủy**.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/QĐST–HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Văn T1** – sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Yến N** – sinh năm 1997 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Văn T1 trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị Yến N tự quen nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 26/6/2015. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến

tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống đến tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng khó khăn về kinh tế cộng thêm có những quan điểm sống không hợp nhau, không hiểu nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Sau đó chị N bỏ nhà đi, anh T1 có đi kiếm về nhưng chị N không chịu về, chỉ thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm con và vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2018 đến nay.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Phạm Khánh Đ – sinh ngày 28/7/2012

2. Phạm Huỳnh Anh T2 – sinh ngày 26/7/2015

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay cháu Đ đang sống chung với anh T1, còn cháu T2 thì do chị N nuôi dưỡng từ tháng 4 năm 2018 đến nay.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T1 yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T1 yêu cầu được ly hôn với chị N

- *Về quan hệ con chung:* Anh T1 yêu cầu được nuôi cháu Phạm Khánh Đ – sinh ngày 28/7/2012, xin giao cháu Phạm Huỳnh Anh T2 – sinh ngày 26/7/2015 cho chị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn chị Nguyễn Thị Yến N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên chị N không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T1.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị tiếp tục giao cháu Phạm Khánh Đ – sinh ngày 28/7/2012 cho anh T1 nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Huỳnh Anh T2 – sinh ngày

26/7/2015 cho chị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

+ *Về nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T1 được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Chị Nguyễn Thị Yến N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh T1 yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Yến N.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của anh Phạm Văn T1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy anh Phạm Văn T1 và chị Nguyễn Thị Yến N chung sống với nhau được Uỷ ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 106/2015, quyển số 01/2015, ngày 26/6/2015 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T1: Xét thấy, trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh và chị N chung sống hạnh phúc. Đến tháng 3/2018 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị N có những quan điểm sống không hợp nhau, không hiểu nhau, dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Mặt khác, từ tháng 3/2018 thì chị N bỏ nhà đi và anh chị đã ly thân với nhau từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì thế, việc anh T1 yêu cầu được ly hôn với chị N là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Xét thấy, hiện cháu Phạm Khánh Đ – sinh ngày 28/7/2012 đang được anh T1 nuôi dưỡng, cháu Phạm Huỳnh Anh T2 – sinh ngày 26/7/2015 đang được chị N nuôi dưỡng, các bên vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi

mặt của các cháu. Thiết nghĩ không nên làm xáo trộn tâm sinh lý của hai cháu Đ và T2. Do vậy, yêu cầu của anh T1 là được nuôi cháu Đ và giao cháu T2 cho chị N nuôi dưỡng là có cơ sở để chấp nhận.

Nếu sau này chị Nguyễn Thị Yến N có yêu cầu thay đổi quyền nuôi con hoặc có yêu cầu anh Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi con thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh T1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T1:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T1 được ly hôn với chị Nguyễn Thị Yến N,

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Khánh Đ – sinh ngày 28/7/2012 cho anh Phạm Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tiếp tục giao cháu Phạm Huỳnh Anh T2 – sinh ngày 26/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Yến N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; do nguyên đơn anh Phạm Văn T1 có yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng đối với chị Nguyễn Thị Yến N, nên anh T1 phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 2.250.000đ.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn T1 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn T1 ly hôn với chị Nguyễn Thị Yến N.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Khánh Đ – sinh ngày 28/7/2012 cho anh Phạm Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; tiếp tục giao cháu Phạm Huỳnh Anh T2 – sinh ngày 26/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Yến N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Phạm Văn T1 và chị Nguyễn Thị Yến N đều có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng*:* Anh Phạm Văn T1 phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Phạm Văn T1 đã nộp đủ.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005346 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Yến N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo